

Số: **1195** /GCN-BCT

Hà Nội, ngày **16** tháng **5** năm 2024

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;  
Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương chứng nhận:*

1. Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II

Địa chỉ liên lạc: Lầu 6 - Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38275301; Fax: 028.38275300;

Email: info@kiemdinh.vn; Website: www.kiemdinh.vn.

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành Công Thương trong lĩnh vực sản phẩm cơ khí thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương (chi tiết trong phụ lục kèm theo giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: 02.24.CN.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Mục 1;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Trang MOIT (đăng thông báo);
- Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (để t/b);
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Sinh Nhật Tân**



**PHỤ LỤC DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM HÀNG HÓA  
TRONG LĨNH VỰC CHỨNG NHẬN**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số 1195/GCN-BCT ngày 16 tháng 5 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên sản phẩm hàng hóa	Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn kỹ thuật	Phương thức chứng nhận	Quy trình chứng nhận
1	Chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng bằng thép	QCVN 04:2013/BCT	Phương thức 5, 7	HD28
2	Trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng	QCVN 10:2012/BCT	Phương thức 8	HD32
3	Bình chịu áp lực có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải, áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh) dùng trong công nghiệp	TCVN 8366:2010; TCVN 6155:1996; TCVN 6156:1996; TCVN 6008:2010.	Phương thức 8	HD24.1
4	Bồn chứa LPG có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải	QCVN 02:2020/BCT	Phương thức 8	HD41
5	Nồi hơi có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải, áp suất làm việc định mức của hơi trên 16 bar dùng trong công nghiệp	TCVN 12728:2019; TCVN 6008:2010; TCVN 5346:1991.	Phương thức 8	HD24.1
6	Nồi hơi nhà máy điện	TCVN 12728:2019; TCVN 6008:2010; TCVN 5346:1991.	Phương thức 8	HD24.1
7	Đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại	QCVN 01:2016/BCT	Phương thức 8	HD43
8	Đường ống hơi và nước nóng cấp I, II có đường kính ngoài từ 51 mm trở lên; các đường dẫn cấp III, IV có đường kính ngoài từ 76 mm trở lên sử dụng trong công nghiệp	QCVN 04:2014/BCT	Phương thức 8	HD44

Ghi chú: HDxx.x là các quy trình chứng nhận riêng do Trung tâm biên soạn.

